

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-30



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Bến xe Hà Nội được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Quang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06/10/2016
Ông Nguyễn Hoàng Trung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/10/2016
Ông Vũ Hữu Tuyển	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12/11/2016
Ông Nguyễn Tùng Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12/11/2016
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên	
Ông Lưu Thành Nam	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2016
Ông Nguyễn Tùng Anh	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2016
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 16 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.489.200.315	30.222.428.060
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.494.587.993	15.564.251.716
111	1. Tiền		20.494.587.993	15.564.251.716
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	12.600.000.000	12.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.600.000.000	12.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.105.857.043	1.304.811.097
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	521.210.128	310.746.510
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	178.361.000	626.978.200
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	406.285.915	367.086.387
140	IV. Hàng tồn kho		-	244.363.000
141	1. Hàng tồn kho		-	244.363.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		288.755.279	509.002.247
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	288.755.279	509.002.247
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		83.314.938.618	87.158.704.080
220	II. Tài sản cố định		80.796.478.043	81.663.228.544
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	80.347.060.684	81.440.926.985
222	- Nguyên giá		151.862.761.863	143.192.075.122
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(71.515.701.179)	(61.751.148.137)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	449.417.359	222.301.559
228	- Nguyên giá		1.446.920.000	1.065.420.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(997.502.641)	(843.118.441)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.458.460.575	1.291.437.848
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.458.460.575	1.291.437.848
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.060.000.000	4.204.037.688
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.060.000.000	4.204.037.688
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		117.804.138.933	117.381.132.140

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.906.233.778	13.540.369.327
310	I. Nợ ngắn hạn		12.906.233.778	13.540.369.327
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.987.290.929	2.209.747.817
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.529.192.919	1.413.587.871
314	3. Phải trả người lao động		7.495.991.635	7.591.764.155
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	129.043.162
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	208.499.545	383.159.847
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	312.431.991	10.009.121
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.372.826.759	1.803.057.354
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		104.897.905.155	103.840.762.813
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	104.897.905.155	103.840.762.813
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.882.275.781	8.825.133.439
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		322.625.384	179.542.244
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		9.559.650.397	8.645.591.195
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		117.804.138.933	117.381.132.140



Vũ Thị Loan
 Người lập

  

Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	127.888.392.559	114.303.004.862
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		127.888.392.559	114.303.004.862
11	4. Giá vốn hàng bán	18	105.080.076.302	92.468.359.934
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.808.316.257	21.834.644.928
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	751.377.312	710.058.875
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	7.934.832.996	7.588.426.350
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.624.860.573	14.956.277.453
31	11. Thu nhập khác	21	17.567.658	67.456.001
32	12. Chi phí khác	22	276.412.903	332.122.725
40	13. Lợi nhuận khác		(258.845.245)	(264.666.724)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.366.015.328	14.691.610.729
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Doanh nghiệp		3.056.000.000	3.056.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Doanh nghiệp		12.310.015.328	11.635.610.729
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	2.750.364.931	2.990.019.534
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.559.650.397	8.645.591.195
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.006	910



Vũ Thị Loan
 Người lập



Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng





Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.366.015.328	14.691.610.729
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.216.509.510	8.721.360.450
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(590.376.235)	(377.936.150)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.992.148.603	23.035.035.029
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		196.464.054	2.533.609.380
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		244.363.000	(244.363.000)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.107.125.932)	(759.513.645)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.364.284.656	340.137.278
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.938.212.182)	(2.690.124.347)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.282.738.650)	(3.287.932.141)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20.469.183.549	18.926.848.554
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.694.610.904)	(13.426.377.343)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	438.181.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(7.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	9.600.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		753.867.312	768.921.096
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.940.743.592)	(10.219.274.429)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.598.103.680)	(4.080.016.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.598.103.680)	(4.080.016.300)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.930.336.277	4.627.557.825
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.564.251.716	10.936.693.891
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>20.494.587.993</u>	<u>15.564.251.716</u>

Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Bến xe Hà Nội được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 05 tháng 10

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm

Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình

Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát

Địa chỉ

Hà Nội

Hà Nội

Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Cung cấp dịch vụ bến xe

Cung cấp dịch vụ bến xe

Cung cấp dịch vụ bến xe



2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty vận tải Hà Nội. Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng thông báo từ hợp đồng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.



2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các Doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	249.500.262	205.862.313
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.729.048.731	15.187.651.403
Tiền đang chuyển	516.039.000	170.738.000
	20.494.587.993	15.564.251.716

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Tiền gửi có kỳ hạn	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000

Gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất từ 5,2% - 5,4%/năm.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	67.932.000	117.960.000
- XN Xe buýt Cầu Bươu - Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	97.920.000	79.170.000
- Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	56.607.500	1.036.000
- Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	127.797.500	22.557.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	170.953.128	90.023.010
	521.210.128	310.746.510
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	389.044.200	254.802.000
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29.		

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Chứng khoán FPT	42.500.000	-	42.500.000	-
Công ty CP Công nghệ Futech	49.929.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội - Xí nghiệp Vườn quả Du lịch Từ Liêm	47.432.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	38.500.000	-	584.478.200	-
	178.361.000	-	626.978.200	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	223.875.556	-	226.365.556	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.715.491	-	10.154.426	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	715.375	-	6.291.274	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	683.698	-	4.903.696	-
Tạm ứng	155.850.000	-	86.000.000	-
Phải thu khác	23.445.795	-	33.371.435	-
	406.285.915	-	367.086.387	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án Bến xe Khuyến Lương	428.675.909	428.675.909
Dự án bãi đỗ xe tải Phía Nam	635.956.364	635.956.364
Nhà để xe đa năng Bến xe Giáp Bát	197.750.000	-
Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình	196.078.302	196.078.302
Công trình khác	-	30.727.273
	1.458.460.575	1.291.437.848

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	130.451.256.755	1.616.797.274	5.097.450.709	6.026.570.384	143.192.075.122
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.963.563.679	-	-	1.116.024.498	9.079.588.177
- Thanh lý, nhượng bán	(392.073.345)	-	-	-	(392.073.345)
- Điều chỉnh theo quyết toán	(16.828.091)	-	-	-	(16.828.091)
Số dư cuối năm	138.005.918.998	1.616.797.274	5.097.450.709	7.142.594.882	151.862.761.863
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	55.022.798.665	1.216.489.688	2.593.123.274	2.918.736.510	61.751.148.137
- Khấu hao trong năm	7.867.550.387	106.330.908	639.731.136	1.382.012.879	9.995.625.310
- Thanh lý, nhượng bán	(231.072.268)	-	-	-	(231.072.268)
Số dư cuối năm	62.659.276.784	1.322.820.596	3.232.854.410	4.300.749.389	71.515.701.179
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	75.428.458.090	400.307.586	2.504.327.435	3.107.833.874	81.440.926.985
Tại ngày cuối năm	75.346.642.214	293.976.678	1.864.596.299	2.841.845.493	80.347.060.684

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.194.436.039 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.065.420.000
- Mua trong năm	448.000.000
- Hủy hệ thống cũ	(66.500.000)
Số dư cuối năm	<u>1.446.920.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	843.118.441
- Khấu hao trong năm	220.884.200
- Hủy hệ thống cũ	(66.500.000)
Số dư cuối năm	<u>997.502.641</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>222.301.559</u>
Tại ngày cuối năm	<u>449.417.359</u>

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	288.755.279	509.002.247
	<u>288.755.279</u>	<u>509.002.247</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	209.619.403
Lợi thế kinh doanh Doanh nghiệp (*)	1.060.000.000	3.994.418.285
	<u>1.060.000.000</u>	<u>4.204.037.688</u>

(*) Công ty thực hiện phân bổ lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước tối đa không quá 10 năm theo quy định tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phân bổ lợi thế thương mại của công ty cổ phần chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây dựng và Phát triển kinh doanh	-	-	1.107.703.000	1.107.703.000
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	-	-	238.920.000	238.920.000
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Hương Giang	161.254.000	161.254.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Quảng cáo Phong Cách Mới	346.654.000	346.654.000	-	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ Quản lý Bất động sản HOMECARE	273.900.000	273.900.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ THG	343.238.500	343.238.500	-	-
Phải trả các đối tượng khác	862.244.429	862.244.429	863.124.817	863.124.817
	1.987.290.929	1.987.290.929	2.209.747.817	2.209.747.817

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	430.692.846	8.747.578.945	8.438.547.506	-	739.724.285
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	921.374.090	2.750.364.931	2.938.212.182	-	733.526.839
Thuế Thu nhập cá nhân	-	61.520.935	362.047.527	367.626.667	-	55.941.795
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.393.531.260	1.393.531.260	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	87.367.433	87.367.433	-	-
	-	1.413.587.871	13.346.890.096	13.231.285.048	-	1.529.192.919

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Doanh thu nhận trước dịch vụ cho thuê mặt bằng	198.167.727	383.159.847
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	10.331.818	-
	<u>208.499.545</u>	<u>383.159.847</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	212.290.300	-
Bảo hiểm xã hội	30.901.250	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	56.880.020	4.983.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.360.421	5.025.421
	<u>312.431.991</u>	<u>10.009.121</u>

1105
CÔNG T
H NHIỆM
NG KIẾ
AA
DANK

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	5.432.537.890	100.448.167.264
Lãi trong năm trước	-	-	8.645.591.195	8.645.591.195
Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.252.995.646)	(5.252.995.646)
Số dư cuối năm trước	95.000.000.000	15.629.374	8.825.133.439	103.840.762.813
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	8.825.133.439	103.840.762.813
Lãi trong năm nay	-	-	9.559.650.397	9.559.650.397
Chia cổ tức	-	-	(6.650.000.000)	(6.650.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.852.508.055)	(1.852.508.055)
Số dư cuối năm nay	95.000.000.000	15.629.374	9.882.275.781	104.897.905.155

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.645.591.195	100,00%
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.852.508.055	21,43%
Chi trả cổ tức	6.650.000.000	76,92%
Lợi nhuận chưa phân phối	143.083.140	1,65%



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,37%	15.538.440.000	16,37%	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,57%	15.757.560.000	16,57%	15.757.560.000
	100%	95.000.000.000	100%	95.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(6.650.000.000)	(4.085.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(6.650.000.000)	(4.085.000.000)

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	107.092.672.079	96.133.130.040
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	20.795.720.480	18.169.874.822
	127.888.392.559	114.303.004.862
Doanh thu đối với các bên liên quan	5.766.049.078	5.123.747.279
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29.		

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp	89.100.076.302	78.563.243.493
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	15.980.000.000	13.905.116.441
	105.080.076.302	92.468.359.934

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	751.377.312	710.058.875
	751.377.312	710.058.875

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.164.773	160.891.592
Chi phí nhân công	5.572.113.198	5.250.577.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	499.276.456	459.950.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	955.445.868	723.386.670
Chi phí khác bằng tiền	853.832.701	993.620.313
	7.934.832.996	7.588.426.350

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt thu được	12.000.000	10.000.000
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ hỏng	5.545.455	-
Thu nhập khác	22.203	57.456.001
	17.567.658	67.456.001

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lỗi về thanh lý tài sản cố định	161.001.077	332.122.725
Các khoản bị phạt	115.411.826	-
	276.412.903	332.122.725

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.310.015.328	11.635.610.729
Các khoản điều chỉnh tăng	1.441.809.326	1.427.435.698
- Chi phí không hợp lệ	1.441.809.326	1.427.435.698
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.751.824.654	13.063.046.427
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	116.149.320
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.750.364.931	2.990.019.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	921.374.090	621.478.903
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.938.212.182)	(2.690.124.347)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	733.526.839	921.374.090

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.559.650.397	8.645.591.195
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.559.650.397	8.645.591.195
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.006	910

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	935.162.879	1.956.296.716
Chi phí nhân công	49.942.568.000	48.470.660.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.216.509.510	8.721.360.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.369.684.640	14.498.305.259
Chi phí khác bằng tiền	30.550.984.269	26.358.714.861
	113.014.909.298	100.005.337.286

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.494.587.993	-	15.564.251.716	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	927.496.043	-	677.832.897	-
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	12.600.000.000	-
	34.022.084.036	-	28.842.084.613	-
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			2.299.722.920	2.219.756.938
Chi phí phải trả			-	129.043.162
			2.299.722.920	2.348.800.100

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.494.587.993	-	-	20.494.587.993
Phải thu khách hàng, phải thu khác	927.496.043	-	-	927.496.043
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	-	12.600.000.000
	34.022.084.036	-	-	34.022.084.036
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.564.251.716	-	-	15.564.251.716
Phải thu khách hàng, phải thu khác	677.832.897	-	-	677.832.897
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	-	12.600.000.000
	28.842.084.613	-	-	28.842.084.613



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.299.722.920	-	-	2.299.722.920
	<u>2.299.722.920</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.299.722.920</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.219.756.938	-	-	2.219.756.938
Chi phí phải trả	129.043.162	-	-	129.043.162
	<u>2.348.800.100</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.348.800.100</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu		5.766.049.078	5.123.747.279
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	1.495.454	17.259.091
Trung tâm Tân Đạt	Cùng Tổng Công ty	477.677.266	272.790.911
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	Cùng Tổng Công ty	621.844.545	546.593.183
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Cùng Tổng Công ty	685.084.545	603.634.092
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	337.612.265	488.763.183

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	1.357.426.817	1.194.340.909
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Cùng Tổng Công ty	1.033.368.186	141.006.818
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Cùng Tổng Công ty	50.752.732	7.486.364
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	477.676.816	488.529.545
Công ty CP Xe điện Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	723.110.452	1.363.343.183
Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh		3.056.000.000	3.056.000.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	3.056.000.000	3.056.000.000
Cổ tức		4.459.280.000	2.739.272.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	4.459.280.000	2.739.272.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		389.044.200	254.802.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	-	150.000
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	Cùng Tổng Công ty	12.076.800	10.356.000
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Cùng Tổng Công ty	12.928.500	11.407.500
Xí nghiệp Xe khách Nam HN	Cùng Tổng Công ty	56.607.500	1.036.000
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	127.797.500	22.557.500
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Cùng Tổng Công ty	97.920.000	79.170.000
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Cùng Tổng Công ty	4.743.000	4.185.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	9.038.900	7.980.000
Công ty CP Xe điện Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	67.932.000	117.960.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.206.512.500	1.354.313.750

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Ngoài ra, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	Chênh lệch	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Hàng tồn kho	141	-	244.363.000	244.363.000	(*)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.312.308.011	1.413.587.871	101.279.860	(*)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.682.050.299	8.825.133.439	143.083.140	(*)



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Giá vốn hàng bán	11	92.712.722.934	92.468.359.934	(244.363.000)	(*)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.447.247.729	14.691.610.729	244.363.000	(*)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.888.739.674	2.990.019.534	101.279.860	(*)
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	14.447.247.729	14.691.610.729	244.363.000	(*)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	(244.363.000)	(244.363.000)	(*)

(*) Điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 1246/TB-KTNN ngày 10/10/2016 của Kiểm toán Nhà nước về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội.



Vũ Thị Loan
 Người lập



Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng




Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2017

